

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày 30-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Ngọc Thành**
2. Ông **Phạm Công Gia**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2021, tại Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 03 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Tôn Ngọc T (T1), sinh năm 2000 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: Khu 2, ấp SS1, xã PV, huyện ĐQ, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (1970) và bà Tôn Ngọc H (1973); chồng: Tao W (1985), không có con; tiền sự, tiền án: Không. Tạm giữ từ ngày 17/9/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/9/2020 cho đến nay (*có mặt*).

2. Nguyễn Trọng K, sinh năm 1999 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp ĐT, xã ThS, huyện TP, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (1975) và bà Hồ Nguyễn Đan T (1982); vợ con không có; tiền sự, tiền án: Không. Tạm giữ từ ngày 17/9/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/9/2020 cho đến nay (*có mặt*).

3. Nguyễn Văn V, sinh ngày 15/9/1995 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp ĐT, xã ThS, huyện TP, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn V1 (1959) và bà Phạm Thị Th (1966); vợ con không có; tiền sự, tiền án: Không. Tạm giữ từ ngày 17/9/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/9/2020 cho đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

a) Lê Thị Kim Ph (L), sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 9, TT TP, huyện TP, tỉnh ĐN

b) Châu Thái S (Bt), sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 9, Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN

c) Vũ Đăng Th, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ĐT, xã ThS, huyện TP, tỉnh ĐN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ 45 phút ngày 17/6/2020, tại Khu 5, Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Công an Thị trấn Tân Phú phát hiện, bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Tôn Ngọc T về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Thị Kim Ph.

Vật chứng thu giữ: Dưới nền xi măng ngay vị trí T đứng 01 gói nylon trong suốt kích thước 01x03cm hàn kín 02 đầu bên trong chứa tinh thể nghi là ma túy; 01 xe máy hiệu Novo LX màu đen đỏ biển số 60C2-08359 do T điều khiển.

Tiến hành kiểm tra hành chính tại phòng trọ số 6 nhà trọ Family tại khu 4, Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai do V, K và T thuê trọ phát hiện thu giữ: 01 bọc nylon hàn kín hai đầu bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy; 01 bộ dụng cụ (nỏ) để sử dụng ma túy, 02 kéo y tế, 01 đầu khò, 01 quyển sổ kích thước 10X15cm, 01 quyển sổ kích thước 15x20cm, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 loại bàn phím, 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại cảm ứng bị vỡ màn hình, số tiền 1.800.000đ;

Thu giữ tại cửa hàng điện thoại di động Đăng Tuấn ở ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân 01 điện thoại hiệu Vivo Z5 màu xanh.

Vật chứng thu giữ nghi ma túy bắt quả tang của T được niêm phong ký hiệu M, vật chứng thu giữ nghi ma túy khi kiểm tra hành chính chỗ ở của T, K, V được niêm phong ký hiệu M1. Việc niêm phong và gửi giám định được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số 2234/KLGD-PC09 ngày 23/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2154gam, loại Methamphetamin.

- Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0259gam, loại Methamphetamin.

Mẫu vật còn lại sau giám định được hoàn lại niêm phong trong gói niêm phong số 2234/KLGD-PC09.

Hành vi phạm tội của T, V và K được xác định như sau:

T và V có quan hệ tình cảm; K là bạn của V. Vào tháng 09/2020, T đến phòng trọ số 6 nhà trọ Family tại Khu 4, Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai do V thuê để ở chung với nhau. T, V, K đều nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài và có ma túy để sử dụng chung, trưa ngày 16/9/2020 cả V, T, K bàn bạc và thống nhất đem điện thoại di động hiệu Vivo Z5 của T đi cầm lấy tiền mua ma túy về sử dụng và bán lại cho những người nghiện khác lấy lời. K đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại Đăng Tuấn ở ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân do anh Vũ Đăng Th làm chủ cầm lấy số tiền 2.000.000đ. K đến khu vực nhà thờ Kim Lâm thuộc xã Phú Trung, huyện Tân Phú mua ma túy của một người không rõ nhân thân, lai lịch hết 1.500.000đ đem về phòng trọ rồi cùng T, V sử dụng, phân lẻ ma túy để bán lại cho các con nghiện khác.

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/9 đến ngày 17/9/2020 trên địa bàn huyện Tân Phú, T, V, K đã nhiều lần bán ma túy cho Lê Thị Kim Ph (L); Châu Thái S (Bt). Số tiền bán ma túy được 1.250.000đ, số tiền này do T cầm giữ để chi xài chung cho 03 người.

Cụ thể, T khai nhận: Trưa ngày 16/9/2020, khi bị cáo đề nghị cầm điện thoại của mình để mua ma túy về sử dụng và bán lại kiếm lời thì K, V đồng ý. V đưa điện thoại cho K đi cầm, khi K mang ma túy về phòng trọ thì T, V, K lấy một ít để sử dụng chung. Lúc này chị Ph (L) đến hỏi mua ma túy thì T phân lẻ bán 200.000đ; rạng sáng ngày 17/9/2020 T tiếp tục bán cho Ph 150.000đ; trưa ngày 17/9/2020 T tiếp tục bán cho Ph một gói ma túy giá 400.000đ, chưa giao được ma túy thì bị bắt.

Bị cáo K trực tiếp bán cho bạn của K (không rõ tên) 02 lần, mỗi lần 150.000đ; người bạn của V gọi điện cho V hỏi mua ma túy, T đưa ma túy cho K đi bán cho người này 02 lần (một lần 200.000đ, một lần 400.000đ);

K thừa nhận: Trong các ngày 16 – 17/9/2020, K, T và V cùng bàn bạc thống nhất cầm điện thoại của T lấy tiền ma túy về sử dụng và bán lại. Trưa ngày 16/9/2020, K đem điện thoại Vivo Z5 của T đến cửa hàng Đăng Tuấn cầm được 2.000.000đ rồi đến khu vực nhà thờ Kim Lâm mua ma túy của 01 người không rõ nhân thân hết 1.500.000đ. Khi về phòng trọ thì K, T, V lấy một ít ra sử dụng. Đang sử dụng thì chị Ph đến hỏi mua ma túy, T chia nhỏ ma túy ra bán cho Ph 200.000đ.

Khoảng 23 giờ ngày 16/9/2020, K trực tiếp bán cho Ph 01 lần giá 150.000đ; khoảng hơn 23 giờ ngày 16/9/2020 bán cho Bt 01 lần với giá

150.000đ; bán cho Hưng là bạn chung của V gọi điện cho V và T hỏi mua, giá 400.000đ (Hưng nợ lại 200.000đ).

V khai nhận: Trưa ngày 16/9/2020, T nói với V, K là cầm điện thoại Vivo Z5 của T mua ma túy về để sử dụng và bán lại thì K và V đồng ý. V đưa điện thoại cho K đi cầm, khoảng 16 giờ cùng ngày thì K đem ma túy về và nói mua hết 1.500.000đ. V có phân ma túy ra bịch đưa cho T bỏ vào nỏ rồi cả ba cùng sử dụng chung. Cả ba thỏa thuận bàn với nhau số ma túy còn lại sẽ phân nhỏ để bán, cả 03 dùng kéo cắt bịch ny lon ra gấp lại, dùng bật lửa đốt hai đầu, chia nhỏ ma túy cho vào từng bịch, mỗi cái bán giá 200.000đ. Khi cả nhóm đang sử dụng thì chị L đến hỏi mua ma túy, T chia nhỏ ma túy bán cho L 200.000đ.

K bán cho S 02 lần, mỗi lần 150.000đ. Rạng sáng ngày 17/9/2020 T bán cho L 150.000đ; khuya ngày 16/9/2020 K bán cho L 150.000đ. V có người bạn tên Hưng gọi điện cho V hỏi mua thiếu, V chuyển máy cho T, T đồng ý bán cho Hưng và đưa ma túy cho K đi giao. Việc phân lẻ ma túy do V, T, K cùng thực hiện.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSTP-ĐN ngày 18/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố các bị cáo về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, K thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng mô tả.

Bị cáo T thừa nhận nghiện ma túy và cùng thuê trọ với K, V. Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên trưa ngày 16/9/2020, T đề xuất với V, K đem điện thoại của T đi cầm lấy tiền mua ma túy và sử dụng và chia ra để bán lại kiếm lời thì K và V đồng ý. K mang điện thoại Vivo Z5 của T đi cầm rồi mua ma túy về, cả nhóm lấy ra một ít để dùng chung, phần còn lại cả nhóm chia nhỏ ra để bán cho những người nghiện. Các bị cáo cùng nhau chia nhỏ ma túy ra, khi một thành viên trong nhóm bán ma túy cho người khác thì cả nhóm đều biết, tiền có được từ việc bán ma túy do bị cáo T cất giữ và dùng để chi tiêu cho cả nhóm. Bị cáo trực tiếp bán ma túy cho chị Ph 03 lần; 02 lần đưa ma túy cho K bán cho Ân. Bị cáo thừa nhận số tiền các lần bị cáo và K bán ma túy là 1.250.000đ. Trong số 1.800.000đ thu giữ tại nơi ở của các bị cáo có 1.250.000đ tiền bán ma túy, số tiền còn lại là của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Điện thoại cầm ứng hiệu Nokia bị hư màn hình là phương tiện bị cáo dùng liên lạc để bán ma túy.

Bị cáo K thừa nhận mình có nghiện ma túy và cùng thuê nhà trọ cùng với V, T. Trưa ngày 16/9/2020, T bàn với V và K về việc cầm điện thoại của T để mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác. V đưa K điện thoại hiệu Vivo Z5 của T để K đi cầm. K cầm được số tiền 2.000.000đ. K mua ma túy hết 1.500.000đ của 1 người không biết nhân thân lai lịch. Khi đem ma túy về phòng trọ thì cả 3 cùng sử dụng và chia nhỏ ra để bán cho người khác. Số tiền bán ma

túy do T cất giữ và chỉ dùng cho 03 người. Bản thân K đã 3 lần bán ma túy cho các con nghiện khác.

Bị cáo V thừa nhận bản thân nghiện ma túy. K, T cũng nghiện và cùng ở chung phòng trọ do V thuê. Trưa ngày 16/9/2020, khi nghe T đề xuất cầm điện thoại của T để mua ma túy về sử dụng chung thì V đồng ý. Bị cáo K là người cầm điện thoại và mua ma túy về. Lúc K mang ma túy về thì cả nhóm lấy một ít ra để sử dụng. Bị cáo chỉ thừa nhận nghe T nói cầm điện thoại lấy tiền mua ma túy về để sử dụng chung chứ không nghe nói phần còn lại để bán, việc bán chỉ phát sinh sau này. Bị cáo chỉ biết được 01 lần T bán ma túy cho Ph vào buổi trưa ngày 16/9/2020 khi cả 03 người đang sử dụng ma túy thì Ph đến mua, T là người bán. Lần thứ 02 một người bạn tên Hưng gọi điện cho bị cáo hỏi mua ma túy, bị cáo chuyển máy cho T để thỏa thuận, K là người đi giao ma túy. Bị cáo không thừa nhận mình biết các lần khác T, K bán ma túy.

Lời khai trong quá trình điều tra của Lê Thị Kim Ph và Châu Thái S: Ph 03 lần mua ma túy của T; 02 lần đầu thì thành công, lần thứ 03 chưa nhận được ma túy. S thừa nhận đã nhiều lần mua ma túy của T, V, K.

Ông Th trình bày: Ông có nhận cầm điện thoại Vivo Z5 của K với giá 2.000.000đ, ông đã giao nộp điện thoại cho cơ quan điều tra. Riêng số tiền ông cầm điện thoại thì không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Sau khi phân tích các dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng là Phạm tội từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng việc cầm điện thoại để mua ma túy về sử dụng và bán lại. Bị cáo là người trực tiếp phân nhỏ ma túy và nhiều lần bán cho những người nghiện, là người quản lý tiền. Bị cáo K là người đem điện thoại đi cầm lấy tiền mua ma túy, tham gia phân chia ma túy và trực tiếp nhiều lần bán ma túy cho những người nghiện. Tại phiên tòa, bị cáo V tuy không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng trong quá trình điều tra đã khai nhận hành vi của mình. Bản thân bị cáo không trực tiếp bán ma túy nhưng bị cáo thống nhất mục đích ban đầu với bị cáo T, K là cầm điện thoại của T để mua ma túy về sử dụng và bán lại, các lần T, K bán ma túy thì V đều biết. Từ phân tích trên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo T, K. Mức hình phạt của T và K là ngang nhau và nặng hơn bị cáo V.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 38, điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn V từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 08 (Tám) năm tù.

Nguyễn Trọng K từ 08 (Tám) năm tù đến 09 (Chín) năm tù.

Tôn Ngọc T từ 08 (Tám) năm tù đến 09 (Chín) năm tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận cho hành vi của mình, việc xét xử là không oan sai và nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về hoà nhập với cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, các bị cáo, người làm chứng không có ai có khiếu nại về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hoạt động tố tụng do Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thực hiện là đúng trình tự thủ tục luật định.

[2] Về việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trong quá trình điều tra chị Ph, anh S, anh Th đã có lời khai về nội dung vụ án. Lời khai của những người này là phù hợp với lời khai của các bị cáo. Anh Th không yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 2.000.000đ đã nhận cầm điện thoại của K. Vì vậy, việc vắng của những người này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử không phải hoãn phiên tòa.

[3] Hành vi, tính chất, mức độ phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, bị cáo T, K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra hành chính nơi ở, kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

T, K và V cùng thuê trọ tại phòng 6 của nhà nghỉ Family thuộc khu 4, Thị trấn Tân Phú để ở. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy về sử dụng, ngày 16/9/2020 T, K, V bàn bạc và thống nhất cầm điện thoại của T lấy tiền mua ma túy về sử dụng và bán lại. K là người đi mua ma túy. K, T, V cùng nhau phân nhỏ ma túy ra để sử dụng và bán lại cho các người nghiện. Trong ngày 16/9 và ngày 17/9/2020, T, K và V cùng bàn bạc, thống nhất nhiều lần bán ma túy cho Lê Thị Kim Ph, Châu Thái S và các đối tượng khác chưa rõ nhân thân lai lịch. Số tiền có được từ việc bán ma túy T là người cất giữ, chi dùng cho sinh hoạt chung của 03 người. Tổng khối lượng ma túy 0,2413 gam, loại ma túy Methamphetamin.

Bị cáo V chỉ thừa nhận bị cáo có đồng phạm với T, K trong việc mua ma túy về để sử dụng chứ không tiếp nhận ý chí của T mua ma túy về bán lại. Bị cáo chỉ thừa nhận biết T bán ma túy cho Ph 01 lần, K bán ma túy cho Hưng 01 lần, các lần khác bị cáo không biết. Bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra do bị cáo hoang mang, cán bộ điều tra hướng dẫn nội dung cần khai, nói đi tù chừng 2-3 năm nên bị cáo mới khai như vậy. Lời khai nại của bị cáo nại tại phiên tòa là không có cơ sở để xem xét, bị cáo không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là không đúng sự thật. Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo T, K. Đặc biệt, giữa bị cáo với bị cáo T, K không có mâu thuẫn gì với nhau.

Như vậy, lời khai của V tại cơ quan điều tra là phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và đủ căn cứ xác định bị cáo V có tham gia bàn bạc, thống nhất với bị cáo T, K trong việc mua ma túy về sử dụng và bán lại. Bản thân bị cáo nhiều lần biết T, K bán ma túy. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác. Bản thân các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhưng vẫn cố ý mua bán ma túy. Vì vậy, để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để các bị cáo sửa đổi, rèn luyện bản thân sau này không vi phạm nữa.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo V không thừa nhận hành vi của mình, Viện kiểm sát cũng không đề nghị áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho V. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật hạn chế, đều thuộc thành phần lao động nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về đặc điểm nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[6] Về vai trò vị trí và căn cứ quyết định hình phạt: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo T, K là người thực hành tích cực, bị cáo V tham gia với vai trò giúp sức. Bị cáo T là người gợi ý việc cầm điện thoại của mình lấy tiền mua ma túy về sử dụng chung và bán lại cho người khác kiếm lời, là người trực tiếp bán ma túy, quản lý số tiền bán ma túy để chi dùng cho cả nhóm. Bị cáo K tiếp nhận ý chí của T một cách nhanh chóng, cùng với T phân chia ma túy để bán lại cho các con nghiện, bị cáo K là người trực tiếp bán ma túy cho nhiều người. Bị cáo V tuy không trực tiếp cầm ma túy đi bán, nhưng bị cáo đã thống nhất ý chí với bị cáo T, K là mua ma túy về sử dụng và bán lại, khi có người gọi điện cho V hỏi mua ma túy thì V đều nói lại hoặc gợi ý để T bán. Các lần K, T bán ma túy cho các con nghiện thì V đều biết, số tiền bán ma túy đều được chi dùng cho cả nhóm. Vì vậy, mức hình phạt của K, T là ngang nhau và cao hơn mức hình phạt của V.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, trước và sau khi phạm tội các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và tài sản riêng do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[8] Về các biện pháp tư pháp - xử lý vật chứng:

- Số lượng ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 dụng cụ (nỏ) để sử dụng ma túy; 01 quyển sổ kích thước 10x15cm; 01 quyển sổ kích thước 15x20cm; 02 kéo y tế; 01 đầu khò; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 loại bàn phím, 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại cảm ứng bị vỡ màn hình, 01 điện thoại hiệu Vivo Z5 màu xanh; số tiền 1.800.000đ trong đó 1.250.000đ là tiền bán ma túy, số còn lại là của T không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đây là vật cấm lưu hành, công cụ để phạm tội, có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy, tịch thu sung công quỹ nhà nước theo Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho T số tiền 550.000đ.

- Đối với xe mô tô hiệu Novo LX biển số 60C2-08359, bị cáo V khai xe này bị cáo mượn của một người anh ngoài xã hội không rõ nhân thân lai lịch. Mặc khác, hiện nay Cơ quan điều tra chưa xác minh được nguồn gốc chiếc xe nên đề nghị cơ quan tiếp tục điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo K cầm điện thoại cho anh Th do anh Th không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối tượng không rõ nhân thân lai lịch bán ma túy cho K tại khu vực nhà thờ Kim Lâm. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không làm rõ được nhân thân lai lịch của người này nên không có cơ sở xem xét về hành vi của người này.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, loại và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng đề nghị không áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo đối với bị cáo V là chưa thỏa đáng, bất lợi cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Văn V và Tôn Ngọc T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

Bị cáo Tôn Ngọc T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/9/2020.

Bị cáo Nguyễn Trọng K 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/9/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn V 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/9/2020.

Các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Tôn Ngọc T số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo biên lai thu tiền số 0003199 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 niêm phong số 2234/KLGD-PC09; 01 dụng cụ (nỏ) để sử dụng ma túy; 01 quyển sổ kích thước 10x15cm; 01 quyển sổ kích thước 15x20cm; 02 kéo y tế; 01 đầu khò.

- Tịch thu phát mãi sung công: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại cảm ứng bị vỡ màn hình, 01 điện thoại hiệu Vivo Z5 màu xanh.

Toàn bộ vật chứng được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/3/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an nhân dân huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh